

Số: 205/2024/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 31 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23/7/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2024/TLST-DS ngày 25/4/2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Eximbank).

Trụ sở: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà VincomCenter, số 72 đường Lê Thánh Tôn và 45A đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh A, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Hồ An B - Phó Phòng phụ trách khách hàng cá nhân Ngân hàng Eximbank-Chi nhánh Huế (Văn bản uỷ quyền ngày 28/5/2024).

Địa chỉ: Số 06A đường Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn (Không yêu cầu phản tố)*: Bà Lê Thị Minh Nh, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Kiệt 94 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1962 (Chết ngày 13/7/2023).

Nơi thường trú trước khi chết: Kiệt 94 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh Đ (Không yêu cầu độc lập):

- Bà Lê Thị Minh Nh, sinh năm 1964.

- Anh Lê Minh H, sinh năm 1992.
- Anh Lê Quang Nhật M, sinh năm 2001.
- Anh Lê Nguyên M, sinh năm 2005.
- Anh Lê Thiên M, sinh năm 2005.

Cùng thường trú: Kiệt 94 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế là vợ, con đẻ của ông Lê Minh Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền của các anh Lê Minh H, Lê Quang Nhật M, Lê Nguyên M, Lê Thiên M: Bà Lê Thị Minh Nh, sinh năm 1964. Nơi thường trú: Kiệt 94 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Văn bản uỷ quyền ngày 05/7/2024).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số LAV220082387/1604 ngày 21/9/2022; Phụ lục đính kèm Hợp đồng tín dụng số LAV220082387/1604 ngày 21/9/2022; Khế ước nhận nợ số 1604-LDS-22000.2374 ngày 02/12/2022; Khế ước nhận nợ số 1604-LDS-22000.2430 ngày 19/12/2022; Khế ước nhận nợ số 1604-LDS-22000.2466 ngày 26/12/2022; Khế ước nhận nợ số 1604-LDS-23000.0249 ngày 22/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Huế và ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị Minh Nh thì tính đến ngày 22/7/2024, bà Lê Thị Minh Nh và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Minh Đ gồm bà Lê Thị Minh Nh, các anh Lê Minh H, Lê Quang Nhật M, Lê Nguyên M, Lê Thiên M còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam tổng số tiền 565.663.640 đồng, trong đó: Tiền gốc 420.283.235 đồng, tiền lãi trong hạn 16.153.692 đồng, tiền lãi quá hạn 127.420.932 đồng, tiền lãi chậm trả 1.805.781 đồng.

2.2. Về thời hạn thanh toán:

- Các bên đương sự thỏa thuận vào ngày 23/8/2024, bà Lê Thị Minh Nh và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Minh Đ gồm bà Lê Thị Minh Nh, các anh Lê Minh H, Lê Quang Nhật M, Lê Nguyên M, Lê Thiên M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền tính đến ngày 22/7/2024 là 565.663.640 đồng.

- Đối với số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/7/2024 trở về sau thì bà Lê Thị Minh Nh và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Minh Đ gồm bà Lê Thị Minh Nh, các anh Lê Minh H, Lê Quang Nhật M, Lê Nguyên M, Lê Thiên M tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam theo mức lãi suất thỏa thuận giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam-Chi nhánh Huế và ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị Minh Nh tại Hợp đồng tín dụng số LAV220082387/1604 ngày 21/9/2022; Phụ lục đính kèm Hợp đồng tín dụng số LAV220082387/1604 ngày 21/9/2022; Khế ước nhận nợ số 1604-LDS-22000.2374 ngày 02/12/2022; Khế ước nhận nợ số 1604-LDS-22000.2430 ngày 19/12/2022; Khế ước nhận nợ số 1604-LDS-22000.2466 ngày 26/12/2022; Khế ước nhận nợ số 1604-LDS-23000.0249 ngày 22/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam-Chi nhánh

Huế và ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị Minh Nh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

- Trường hợp bà Lê Thị Minh Nh và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Minh Đ gồm bà Lê Thị Minh Nh, các anh Lê Minh H, Lê Quang Nhật M, Lê Nguyên M, Lê Thiên M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 167/2021 ngày 26/8/2021 được ký kết giữa ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị Minh Nh và Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam-Chi nhánh Huế được Công chứng ngày 26/8/2021; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/8/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ 26, diện tích 50m² đất ở đô thị, tọa lạc tại địa chỉ: Số 94 (Kiệt số 94) đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế được Ủy ban Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 28/7/2014 đứng tên ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị Minh Nh; trang bổ sung Giấy chứng nhận số 01.

+ Tài sản gắn liền với thửa đất: Nhà ở riêng lẻ, cấp III, diện tích xây dựng 47,8m², diện tích sàn 218,3m².

+ Toàn bộ hoa lợi, lợi tức, vật phụ, cây trồng, trang thiết bị kèm theo, vật kiến trúc, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với đất, hoặc tài sản khác có được từ việc khai thác, sử dụng tài sản và các quyền phát sinh từ tài sản bảo đảm cũng thuộc tài sản bảo đảm.

+ Trường hợp tài sản có vật phụ thì vật phụ cũng thuộc tài sản bảo đảm, kể cả thế chấp một phần bất động sản có vật phụ.

+ Trường hợp tài sản bảo đảm bị quy hoạch, giải tỏa theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì toàn bộ số tiền, tài sản đền bù cũng được dùng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ.

+ Trường hợp tài sản bảo đảm bị thiệt hại, hư hỏng, bị tiêu hủy hoặc bị thu hồi thì toàn bộ tài sản, số tiền được đền bù, bồi thường, tài sản được thay thế hoặc tài sản được trao đổi và các khoản thanh toán khác mà Bên thế chấp có thể nhận được sau thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực cũng thuộc tài sản bảo đảm.

+ Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi chia, tách không làm thay đổi chủ sở hữu thì những tài sản mới được hình thành sau khi chia, tách tiếp tục là tài sản bảo đảm.

+ Tài sản mới được tạo thành do hợp nhất, sáp nhập hoặc trộn lẫn mà không chia được thì phần giá trị tài sản bảo đảm được hợp nhất, sáp nhập hoặc trộn lẫn vào tài sản mới trở thành tài sản bảo đảm.

+ Trường hợp khác theo quy định của Bộ luật Dân sự, pháp luật khác liên quan làm cho tài sản bảo đảm không còn hoặc bị thay thế mà có tài sản mới phát sinh hoặc có tài sản được thay thế thì tài sản này trở thành tài sản bảo đảm.

- Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Lê Thị Minh Nh và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Minh Đ gồm bà Lê Thị Minh Nh, các anh Lê Minh H, Lê Quang Nhật M, Lê Nguyên M, Lê Thiên M tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn thiếu.

2.3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Các đương sự thỏa thuận Lê Thị Minh Nh phải chịu số tiền 1.200.000 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam đã nộp số tiền này nên bà Lê Thị Minh Nh có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền 1.200.000 đồng.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là 26.626.546 đồng. Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.626.546 đồng : 2 = 13.313.272 đồng.

- Các bên đương sự thỏa thuận bà Lê Thị Minh Nh và các anh Lê Minh H, Lê Quang Nhật M, Lê Nguyên M, Lê Thiên M phải chịu 13.313.272 đồng. Trong đó, bà Lê Thị Minh Nh phải chịu 7.980.000 đồng. Do bà Lê Thị Minh Nh là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà Lê Thị Minh Nh được miễn án phí 7.980.000 đồng.

- Đối với phần án phí mà các anh Lê Minh H, Lê Quang Nhật M, Lê Nguyên M, Lê Thiên M phải chịu thì bà Lê Thị Minh Nh tự nguyện chịu thay với số tiền 5.325.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 10.405.000đ (Mười triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0003417 ngày 11/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSNDTPHuế;
- Chi cục THADSTPHuế;
- Đương sự;
- Lưu án văn Toà dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh L

